

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2024

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyên Khang - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 446/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐHPT- HNGĐ ngày 19/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ A, phường K, quận C, Tp .. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Châu Bá L, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Tổ A, phường K, quận C, Tp .. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2023, bản tự khai đề ngày 22/01/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo N với ông Châu Bá L xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại tổ A, phường K, quận C, TP .. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc và nặng nề kéo dài. Ông Châu Bá L thường xuyên nhậu nhết về khuya còn gây gỗ và đánh bà N, đập phá đồ đạc trong nhà, lời lẽ thô tục

chửi mắng vợ làm ảnh hưởng đến tinh thần con cái, việc xảy ra nhiều lần khiến bà không thể chịu đựng được nữa. Vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, phần ai nấy sống. Vì thế mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Bà N xác định không còn tình cảm với ông L và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Châu Bá L.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Châu Bá L có với nhau 02 con chung tên là Châu Yến V, sinh ngày 04/8/2005 và Châu Thúy Q, sinh ngày 05/5/2014. Ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con Châu Thúy Q, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, đối với con Châu Yến V đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bảo N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn Châu Bá L:** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo N.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bảo N đối với ông Châu Bá L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Châu Bá L có 02 con chung tên là Châu Yến V, sinh ngày 04/8/2005 và Châu Thúy Q, sinh ngày 05/5/2014. Cháu Châu Thúy Q là con gái có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện cháu đang ở với mẹ là bà N nên đề nghị HĐXX chấp nhận giao con Châu Thúy Q cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con và đối với con Châu Yến V đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bảo N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo N khởi kiện bị đơn là ông Châu Bá L để yêu cầu ly hôn, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ theo quy định.

[1.2] Bị đơn Ông Châu Bá L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Châu Bá L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Châu Bá L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng vào năm 2004 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại phường K, quận C. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân theo bà N xác định là do ông L thường xuyên nhậu nhẹt về say xỉn, đánh đập, chửi bới xúc phạm bà N, không chăm lo cuộc sống chung của vợ chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, phần ai nấy sống; không ai còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà N đã nhiều lần khuyên răn chồng để tạo điều kiện cho ông L thay đổi, cải thiện để cùng chăm lo gia đình nhưng ông L vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi; vợ chồng không thể hòa hợp, hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn kéo dài. Nay bà N xác định không còn tình cảm, yêu thương ông L nữa, vợ chồng không còn tình nghĩa nên bà Nguyễn Thị Bảo N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Châu Bá L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho ông Châu Bá L có ý kiến trình bày nhưng ông L đều vắng mặt, không tham gia tất cả các phiên hòa giải. Tại phiên tòa ngày 19/3/2024 cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Châu Bá L vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Điều đó thể hiện ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình; không có phản hồi và từ bỏ việc trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà N.

Qua xác minh tại tổ dân phố nơi vợ chồng ông Châu Bá L sinh sống thuộc tổ A, phường K, quận C xác định ông Châu Bá L và bà Nguyễn Thị Bảo N là vợ chồng, sống chung tại tổ A, phường K, địa phương không rõ mâu thuẫn của vợ chồng ông L và bà N.

Với những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Châu Bá L xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thể tự hòa giải để hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm thương yêu nhau, ông L sống cuộc sống của riêng mình không lo cho gia đình, bỏ bê không quan tâm thương yêu vợ con, chửi bới xúc phạm gây mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Châu Bá L là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Châu Bá L có với nhau 02 con chung tên là Châu Yến V, sinh ngày 04/8/2005 và Châu Thúy Q, sinh ngày 05/5/2014. Ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con Châu Thúy Q, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, đối với con Châu Yến V đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc yêu cầu nuôi con Châu Thúy Q, sinh ngày 05/4/2014 của bà N: quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông L không có ý kiến gì về việc bà N yêu cầu nuôi cháu Q. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung cần phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất để các cháu phát triển bình thường, an toàn. Ông L không thể hiện sự quan tâm lo cho các con, không phản hồi về việc yêu cầu nuôi con của bà N, toàn bộ việc nuôi dưỡng con đều do bà N lo liệu; ngoài ra cháu Châu Thúy Q là con gái, có nguyện vọng được ở với mẹ; để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu Q và việc nuôi dạy con cần phải đảm bảo có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc con về mọi mặt nên xét thấy việc giao con Châu Thúy Q cho bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Châu Bá L đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con tên Châu Yến V, sinh ngày 04/8/2005, đã đủ 18 tuổi, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Bảo N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu theo quy định của pháp luật. nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000554 ngày 15/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Nguyễn Thị Bảo N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo N đối với ông Châu Bá L về việc "*Ly hôn*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bảo N được ly hôn ông C bá L. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 158, đăng ký ngày 22/12/2004 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: Giao con chung tên Châu Thúy Q, sinh ngày 05/5/2014 cho bà Nguyễn Thị Bảo N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Châu Bá L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Châu Yến V, sinh ngày 04/8/2005 đã đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thị Bảo N không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bảo N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000554 ngày 15/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Nguyễn Thị Bảo N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/3/2024.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng